

Chính sách tài chính thời kỳ hậu khủng hoảng

PGS., TS. ĐẶNG VĂN THANH

Chuyên gia cao cấp của Quốc hội

Vận hành chính sách tài chính (CSTC) thể hiện nghệ thuật điều hành và quản lý hoạt động tài chính. CSTC phải phục vụ cho những mục tiêu tài chính cụ thể và được thực tế cuộc sống chấp nhận. Triển khai các CSTC sau khủng hoảng một cách chủ động sẽ góp phần xây dựng nền tài chính quốc gia ổn định và năng động.

Tác động của khủng hoảng và đối sách của Việt Nam

Khủng hoảng kinh tế thế giới đã có những tác động bất lợi đến tăng trưởng kinh tế của Việt Nam. Để đối phó với những tác động này, từ cuối năm 2008, Chính phủ đã đặt mục tiêu chống suy giảm, ổn định vĩ mô nền kinh tế và ban hành nhiều giải pháp cấp bách nhằm ngăn chặn đà suy giảm kinh tế, duy trì tăng trưởng kinh tế và đảm bảo an sinh xã hội.

Sau gần một năm thực hiện các giải pháp trên, chúng ta đã đạt được một số kết quả nhất định: Kinh tế tiếp tục tăng trưởng, tuy ở mức thấp; hoạt động tín dụng đã khởi sắc trở lại; xu thế giảm phát được khắc phục, đời sống của nhân dân được cải thiện. Đáng chú ý là, xuất khẩu hàng hoá tiếp tục tăng nhiều về số lượng, mặt hàng; thị trường xuất khẩu tiếp tục được duy trì và mở rộng; nhập siêu tuy vẫn cao do nhập khẩu giảm mạnh, song đã thấp hơn năm trước (15,6% so với 28,8% năm 2008). Dự trữ ngoại hối duy trì ở mức 12 tuần nhập khẩu. Trong điều kiện áp dụng hàng loạt các biện pháp miễn, giảm, thuế, tăng chi cho kích thích kinh tế và an sinh xã hội,

nhưng nhờ sản xuất sớm phục hồi nên năm 2009 tổng thu NSNN đạt 390 nghìn tỷ, bằng 100,2% dự toán.

Tuy nhiên, khủng hoảng và suy thoái kinh tế đã làm rõ các yếu kém mang tính bản chất của nền kinh tế Việt Nam. Đây là cơ hội tốt để chúng ta đánh giá và có sự nhận biết đầy đủ, rõ hơn các điểm yếu của nền kinh tế- xã hội, từ đó đề ra được các giải pháp hợp lý khắc phục và vượt qua những yếu kém, khuyết tật của nền kinh tế.

Bối cảnh sau khủng hoảng và mục tiêu của tài chính

Sau khủng hoảng, trên thế giới sẽ xuất hiện những xu thế: Bảo hộ kinh tế các nước gia tăng; cán cân sức mạnh giữa các khối kinh tế, các cường quốc, các thị trường chủ yếu có sự chuyển dịch; thị trường tài chính bị điều tiết nhiều hơn; xu hướng tiết kiệm gia tăng; cơ cấu tiêu dùng có sự thay đổi đáng kể; vốn đầu tư khan hiếm hơn; chiến lược phát triển cân bằng hơn. Có những biến đổi khó dự đoán, có yếu tố khó lường và chưa dự đoán nổi, nhưng chắc chắn thế giới sau khủng hoảng sẽ khác nhiều so với thế giới hiện nay. Các nước sẽ điều chỉnh chiến lược tái cấu

trúc nền kinh tế, phát triển ngành nghề mới, sản phẩm mới tiết kiệm tài nguyên năng lượng, thân thiện với môi trường. Cấu trúc kinh tế toàn cầu sẽ thay đổi, tạo lập sự cân bằng mới về nguồn lực và quyền lực kinh tế. Các học thuyết và mô hình kinh tế sẽ được điều chỉnh.

Ở Việt Nam, sau gần 25 năm đổi mới và cải cách, nền kinh tế đã đạt được nhiều thành tựu. Nhưng khủng hoảng kinh tế cho thấy tư duy và mô hình kinh tế đã tỏ ra không còn phù hợp. Nhiều năm qua, chúng ta phát triển kinh tế theo chiều rộng và hướng ngoại: Kinh tế đã tăng trưởng nóng, tăng trưởng dựa vào đầu tư vốn và số lượng lao động là chủ yếu (trên 60% GDP); Nền kinh tế lệ thuộc nhiều vào bên ngoài (vốn đầu tư FDI, ODA, nguyên vật liệu cho sản xuất, hoạt động xuất nhập khẩu...). Các DNNN phát triển dựa nhiều vào khai thác tài nguyên (đất đai, khoáng sản và tài nguyên khác) và nguồn vốn tín dụng trong nước, ngoài nước. Đã xuất hiện những độc quyền mới trong nền kinh tế, đó là độc quyền tự nhiên và độc quyền do thể chế. Nhìn chung hiệu quả, năng suất và năng lực cạnh tranh của nền kinh tế còn thấp. Thu



nhập bình quân đầu người đã vượt qua ngưỡng của nước kém phát triển, nhưng so với các nước còn ở mức rất thấp, thấp xa so với nhiều nước hàng chục lần. Điều đáng lo ngại là khoảng cách chênh lệch về thu nhập giữa các vùng miền, giữa các giai tầng xã hội ngày càng có xu hướng doãng rộng. Nền kinh tế Việt Nam đang bị mất cân đối trên nhiều mặt, giữa các ngành sản xuất với dịch vụ hỗ trợ; giữa nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp với công nghiệp và dịch vụ; giữa thành thị với nông thôn; giữa các vùng miền, giữa kinh tế trong nước và kinh tế bên ngoài, giữa xuất khẩu với nhập khẩu, giữa tích lũy và tiêu dùng; tiết kiệm nội địa và đầu tư, kinh tế nhà nước và kinh tế dân doanh... Thể chế kinh tế đã không còn phù hợp và không đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước. Tổ chức hoạch định chính sách, thực thi pháp luật, điều hành nền kinh tế không thích hợp trong bối cảnh mới, trong chừng mực nhất định bị chi phối bởi các nhóm lợi ích cục bộ, phản ứng chậm và không chính xác dẫn đến kém hiệu quả. Các yếu tố của nền kinh tế thị trường chưa đầy đủ, các thị trường phát triển chưa đồng bộ, còn bị chia cắt; thị trường ngầm và phi chính thức hoạt động mạnh, tính liên kết, hợp tác giữa các tác nhân kinh tế còn yếu. Dư địa cho việc lạm dụng quyền lực, trục lợi khá lớn, nguy cơ cạnh tranh không lành mạnh, không bình đẳng trong nền kinh tế cao. Do đó môi trường kinh doanh chứa đựng nhiều rủi ro và đòi hỏi chi phí lớn.

Sau khủng hoảng kinh tế thế giới, Việt Nam bước vào thời kỳ phát triển mới: Ra khỏi ngưỡng nghèo, trở thành nước có thu nhập trung bình với những lợi thế và bất lợi mới, Việt Nam ngày càng tham gia toàn diện hơn, sâu hơn vào hợp tác khu vực (Cộng đồng ASEAN, ASEAN +...) thương mại quốc tế (WTO), quan hệ với các đối tác quan trọng EU, Nhật, Hàn Quốc, Mỹ, Nga, Trung Quốc, Ấn Độ...

Trong bối cảnh như vậy, mục tiêu nhiệm vụ của tài chính được xác định là: xây dựng tiềm lực tài chính quốc gia đủ mạnh, tăng về quy mô, hợp lý về cơ cấu và sử dụng có hiệu

quả nguồn lực này góp phần ổn định kinh tế vĩ mô, thúc đẩy tăng trưởng, kiểm soát lạm phát, ổn định tiền tệ, giá cả và thị trường, thực hiện tốt nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội; Thực hiện hệ thống chính sách động viên, phân phối tài chính công bằng, tích cực, năng động, phù hợp với thể chế kinh tế thị trường có đủ khả năng khai thác nội lực của đất nước; xây dựng nền tài chính quốc gia lành mạnh, công khai minh bạch, dân chủ, được kế toán, kiểm kê, kiểm toán, kiểm soát, làm cho tài chính trở thành thước đo hiệu quả mọi hoạt động kinh tế; năng lực, hiệu lực quản lý nhà nước về tài chính được tăng cường và đổi mới; củng cố và nâng cao vị thế tài chính Việt Nam trong quan hệ quốc tế trên cơ sở bảo đảm độc lập tự chủ và an ninh tài chính quốc gia.

Các chính sách tài chính trong bối cảnh mới

Để thực hiện thắng lợi các mục tiêu và nhiệm vụ tài chính nêu trên, ngay từ bây giờ chúng ta cần triển khai quyết liệt các giải pháp sau:

- Tăng cường vai trò chủ động, tích cực điều tiết vĩ mô nền kinh tế của các CSTC và công cụ tài chính. CSTC phải nhằm mục tiêu trước hết là nâng cao và tăng cường tiềm lực tài chính quốc gia, đảm bảo tỷ lệ tích lũy, tiết kiệm dành cho đầu tư toàn xã hội đạt trên 40% GDP. Đồng thời, phải góp phần thiết lập và duy trì môi trường tài chính lành mạnh, giải phóng các nguồn lực tài chính và sức sản xuất của nền kinh tế, bồi dưỡng và mở rộng nguồn thu NSNN, tạo động lực mạnh mẽ cho sự phát triển và duy trì các cân đối lớn trong nền kinh tế. CSTC phải gắn kết đồng bộ với các chính sách kinh tế để định hướng và khuyến khích các doanh nghiệp và nhân dân đầu tư, kinh doanh. Tôn trọng nguyên tắc công khai, công bằng, hiệu quả trong chính sách động viên, phân phối và phân phối lại thu nhập quốc dân. Đa dạng hoá các công cụ và hình thức tổ chức tài chính, tiền tệ phi ngân hàng và các quỹ đầu tư, các trung gian tài chính nhằm động viên và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực cho phát triển kinh tế - xã hội, thúc đẩy xã hội

hoá các hoạt động sự nghiệp. CSTC đảm bảo cho người lao động, người nghèo được hưởng các phúc lợi cơ bản.

- Thiết lập và vận hành các CSTC thúc đẩy quá trình cơ cấu và cơ cấu lại toàn bộ nền kinh tế theo hướng tích cực, theo mô hình phát triển mới; phát huy lợi thế cạnh tranh ở cả bình diện quốc gia, địa phương, ngành, sản phẩm và từng doanh nghiệp. Tận dụng tối đa lợi thế của Việt Nam đã tạo lập được trong quá trình phát triển để chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong cơ chế kinh tế thị trường hiện đại. Tăng trưởng kinh tế về lượng phải gắn liền với chất, đảm bảo các khoản thu NSNN có căn cứ, có cơ sở ổn định, bền vững. Nuôi dưỡng, phát triển và khai thác các nguồn thu, đặc biệt là trong khu vực kinh tế dân doanh, các đơn vị sự nghiệp, các doanh nghiệp đầu tư nước ngoài. Tập trung và quản lý tốt các nguồn lợi và lợi ích quốc gia. Cơ cấu lại các khoản chi ngân sách, cơ cấu lại nguồn vốn và vốn đầu tư, tăng tỷ lệ chi NSNN theo tốc độ tăng trưởng kinh tế và hiệu quả quản lý kinh tế. Ưu tiên tăng chi NSNN cho các mục tiêu chiến lược, mục tiêu xã hội trọng điểm, cho xây dựng cơ sở hạ tầng, cho phát triển nguồn lực, hỗ trợ sản xuất, kinh doanh những mặt hàng và lĩnh vực trọng điểm. Có chính sách đầu tư thích đáng và cơ chế tài chính phù hợp của các vùng kinh tế trọng điểm, làm động lực phát triển của cả nền kinh tế, từ đó tạo điều kiện đầu tư tốt hơn cho các vùng khó khăn, vùng sâu, vùng xa và các địa phương nghèo, chậm phát triển. Tiếp tục đổi mới CSTC cho giải quyết việc làm, sắp xếp lại DNNN, hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa. CSTC phải góp phần thúc đẩy việc đổi mới và hoàn thiện phân công cấp quản lý tài chính và ngân sách, bảo đảm tính thống nhất của hệ thống tài chính quốc gia và giữ vững vai trò chủ đạo của ngân sách trung ương, đồng thời, tạo điều kiện phát huy cao độ tính chủ động, năng động, sáng tạo của các cấp trong điều hành tài chính và ngân sách. Nâng cao chất lượng, hiệu quả của chính sách tài khóa.

- Huy động và tập trung kịp thời,

đầy đủ các nguồn thu của Nhà nước trên cơ sở tiếp tục cải cách hệ thống phân phối thu nhập, hệ thống thuế, phí phù hợp với kinh tế thị trường, theo hướng công khai, công bằng, thống nhất, hợp lý và đồng bộ. Chính sách động viên tài chính, chính sách thuế phải mang tính chiến lược, hướng mạnh vào mục tiêu phát triển dài hạn, xác định sắc thuế, mức thuế hợp lý, giảm gánh nặng thuế, phí, lệ phí cho doanh nghiệp, tạo động lực khuyến khích sản xuất, tăng quy mô thu DNNN. Nâng tỷ trọng thuế trực thu trong tổng thu DNNN, trong đó tăng tỷ trọng thuế thu nhập doanh nghiệp và thuế thu nhập cá nhân bằng cách mở rộng đối tượng nộp thuế. Tiếp tục hoàn thiện khung khổ luật pháp tài chính, thuế, đặc biệt là Luật Tài chính nhà nước và các sắc thuế trực thu.

- Động viên, giải phóng các nguồn lực trong xã hội, khuyến khích các thành phần kinh tế bỏ vốn đầu tư phát triển kinh doanh để tạo ra năng lực sản xuất, tạo lập hạ tầng kinh tế - xã hội, trên cơ sở đó tăng cường tiềm lực tài chính quốc gia. Thực hiện cơ chế, CSTC đồng bộ, thống nhất giữa các thành phần kinh tế, tạo sự bình đẳng trong cạnh tranh, xoá bỏ tình trạng phân biệt đối xử trong kinh doanh giữa đầu tư trong nước và đầu tư nước ngoài, giữa các thành phần kinh tế tạo chuyển biến tích cực trong ổn định môi trường đầu tư, tăng tính hấp dẫn nhằm thu hút mạnh vốn đầu tư nước ngoài, bao gồm cả vốn đầu tư trực tiếp và gián tiếp. Đẩy mạnh thu hút vốn đầu tư gián tiếp thông qua thị trường tài chính trong nước.

- Xây dựng và duy trì chính sách phân phối tài chính hợp lý, có chủ định nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế nhanh, ổn định và bền vững; chuyển dịch có hiệu quả cơ cấu kinh tế, cơ cấu tài chính, cơ cấu ngân sách, cơ cấu tín dụng, vay nợ và trả nợ; thực hiện phân phối và phân phối lại các nguồn thu nhập trong xã hội theo hiệu quả kinh doanh và năng suất lao động, theo vốn, tài sản, trí tuệ và phúc lợi xã hội; nâng cao hiệu quả trong sử dụng nguồn lực tài chính quốc gia. Tiếp tục cơ cấu lại chi

DNNN theo hướng tích cực hơn: tăng đầu tư phát triển nguồn nhân lực, đầu tư kết cấu hạ tầng. Phân định rõ nội dung và phạm vi chi DNNN, tập trung thực hiện những nhiệm vụ quan trọng, thiết yếu; triệt để xoá bao cấp trực tiếp và hạn chế bao cấp gián tiếp qua DNNN, gắn cơ cấu lại chi DNNN với cải cách hành chính cho phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của Nhà nước và đẩy mạnh xã hội hoá để huy động nguồn lực cho phát triển kinh tế - xã hội.

- Xây dựng khuôn khổ pháp lý và vận hành cơ chế, CSTC doanh nghiệp bình đẳng, ổn định, minh bạch, tạo điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp thuộc mọi lĩnh vực,

“**Chính sách động viên tài chính, chính sách thuế phải mang tính chiến lược, hướng mạnh vào mục tiêu phát triển dài hạn, tạo động lực khuyến khích sản xuất...**

mọi thành phần kinh tế khai thác, phát huy có hiệu quả mọi nguồn lực bên trong và bên ngoài doanh nghiệp, phát triển sản xuất kinh doanh và nâng cao sức cạnh tranh trên thị trường trong nước và quốc tế. Tiếp tục tháo gỡ những vướng mắc về cơ chế, chính sách để phát triển mạnh và có hiệu quả kinh tế tư nhân, trợ giúp doanh nghiệp vừa và nhỏ, tạo điều kiện để doanh nghiệp nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh. Hoàn thiện chính sách, cơ chế tài chính, đẩy mạnh quá trình đổi mới, sắp xếp gắn liền với việc tăng cường năng lực tài chính cho các DNNN. Thu hẹp phạm vi DNNN. Đổi mới căn bản chính sách, cơ chế quản lý tài chính doanh nghiệp trên cơ sở tách bạch rõ chức năng quản lý nhà nước, chức năng chủ sở hữu với chức năng quản trị kinh doanh; phân định rõ quyền của

các cơ quan nhà nước thực hiện chức năng đại diện chủ sở hữu đối với DNNN; áp dụng cơ chế Nhà nước đặt hàng việc sản xuất, cung cấp các hàng hoá và sản phẩm công ích. Có chính sách, cơ chế tài chính phù hợp khuyến khích, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp huy động nguồn vốn, cơ cấu lại vốn và tài sản theo hướng tích cực và có hiệu quả, giảm các khoản nợ xấu và tài sản tồn đọng. Kiên quyết xoá bỏ tình trạng bảo hộ bất hợp lý, đặc quyền và độc quyền trong kinh doanh của các DNNN.

- Đẩy mạnh xã hội hoá các lĩnh vực văn hoá, xã hội, tăng nguồn lực cho đầu tư phát triển, thu hẹp hơn nữa phạm vi trang trải của DNNN. Ngay trong năm 2010 cần chuyển mạnh từ cơ chế Nhà nước hỗ trợ cho các đơn vị cung ứng dịch vụ sang hỗ trợ trực tiếp cho người thụ hưởng trong những lĩnh vực nhiệm vụ thích hợp. Điều chỉnh lại cơ cấu đào tạo theo ngành và lãnh thổ, gắn đào tạo với nhu cầu phát triển kinh tế, xã hội.

- Tăng cường hoạt động tài chính đối ngoại, tích cực và chủ động hội nhập quốc tế về tài chính nhằm củng cố và phát triển nền tài chính quốc gia. Xác định lộ trình hợp lý đối với phát triển và tự do hoá luồng vốn trong điều kiện hội nhập, thực hiện đa dạng hoá nguồn vốn, đa phương hoá quan hệ đối tác. Chủ động thiết lập và lựa chọn các CSTC phù hợp với yêu cầu và lộ trình hội nhập quốc tế trên cơ sở giữ vững chủ quyền quốc gia, đảm bảo an ninh kinh tế và tài chính. CSTC phải góp phần khai thác tối đa nguồn lực và nâng cao năng lực cạnh tranh của kinh tế trong nước, thu hút nguồn lực từ bên ngoài phục vụ cho phát triển kinh tế, tận dụng tối đa những cơ hội và giảm thiểu bất lợi do quá trình hội nhập kinh tế tài chính quốc tế gây nên. Xây dựng chiến lược vay và trả nợ, hệ thống các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả các dự án, chương trình sử dụng vốn vay nước ngoài, đặc biệt là đối với nguồn vốn vay thương mại theo cơ chế tự vay, tự trả. Hoàn thiện khung pháp lý về tài chính theo chuẩn mực quốc tế; điều chỉnh và xây dựng cơ chế, CSTC phù hợp với các cam kết song phương và đa phương. Thực hiện bảo hộ đối với

sản xuất trong nước và các định chế tài chính, ngân hàng, thương mại có trọng điểm, có thời gian và lộ trình rõ ràng, minh bạch. Từng bước áp dụng các tiêu chuẩn quốc tế về nghiệp vụ kế toán, kiểm toán đối với hệ thống tài chính.

- Nâng cao năng lực, hiệu lực của hệ thống giám sát tài chính - tiền tệ, đảm bảo an ninh tài chính quốc gia, kiểm soát chặt chẽ các luồng vốn, các dòng chuyển dịch vốn (đặc biệt là vốn ngắn hạn), các khoản vay nợ, trả nợ. Tăng cường hiệu lực, hiệu quả của hệ thống giám sát bằng nghiệp vụ, bằng tổ chức có sẵn trong bản thân công tác tài chính, bản thân từng quy trình nghiệp vụ tài chính, kế toán. Tăng cường và nâng cao tính hiệu lực của hệ thống giám sát nội bộ, bộ máy và quy trình kiểm soát nội bộ; đảm bảo mọi hoạt động tài chính, sự luân chuyển của từng dòng tiền của Nhà nước, của Ngân khố phải được kiểm tra, kiểm kê và giám sát thường xuyên, liên tục. Hoạt động tài chính, tiền tệ của các tổ chức, các quỹ tài chính nhà nước, các trung gian tài chính phải được giám sát từ xa, phải có hệ thống cảnh báo. Thanh tra, kiểm tra, kiểm tra có trọng điểm, có chủ định, xử lý dứt điểm mọi sai phạm do thanh tra, kiểm toán phát hiện, giữ nghiêm kỷ cương phép nước. Cần tạo dựng thói quen công khai tài chính trong đời sống xã hội. Cần đánh giá chi NSNN, chi tiêu ngân quỹ nhà nước bằng thước đo hiệu quả. Sử dụng phương pháp quản lý chi tiêu theo kết quả đầu ra. Chuẩn bị tốt cho việc áp dụng chính sách chi tiêu trung hạn. Coi trọng mục đích và kết quả sử dụng NSNN chứ không phải mức chi hay mức cắt giảm chi NSNN. Đảm bảo báo cáo quyết toán, báo cáo tài chính của các cấp NSNN được kiểm toán trước khi trình Quốc hội, hội đồng nhân dân phê duyệt.

Nói tóm lại, vận hành CSTC thể hiện nghệ thuật điều hành và quản lý hoạt động tài chính. Triển khai tốt và tích cực các CSTC sau khủng hoảng sẽ góp phần xây dựng nền tài chính quốc gia ổn định và năng động.

• **Tiếp theo tr. 16**

hoảng tài chính toàn cầu và sự thu hẹp thương mại quốc tế tiếp tục có ảnh hưởng trực tiếp tới hoạt động ngoại thương của Việt Nam, tới tăng trưởng kinh tế Việt Nam và các nguồn thu nội địa, thu hải quan. Thêm vào đó, giá dầu vẫn ở mức thấp so với mức đỉnh điểm năm 2008 và sự suy giảm sản lượng dầu xuất khẩu, nhập khẩu (cùng với sự ra đời của các nhà máy lọc dầu trong nước) cũng hạn chế nguồn thu từ dầu thô và thu thuế nhập khẩu xăng dầu trong các năm tới (khoản hụt thu này có thể được bù đắp phần nào bằng nguồn thu từ các nhà máy lọc dầu trong nước).

Trong khi đó, các áp lực chi có xu hướng mạnh hơn. Một mặt, việc triển khai chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ nói lỏng đã gây áp lực lên việc điều hành chính sách lãi suất, tỷ giá, tạo nguy cơ lạm phát trong thời gian tới. Nguy cơ lạm phát, đến lượt nó, lại tạo áp lực đối với tăng chi an sinh xã hội, chi tiền lương. Mặt khác, các mất cân đối trong mô hình đầu tư theo chiều rộng, với các nút thắt về cơ sở hạ tầng thiết yếu như giao thông vận tải, điện nước, về lao động có kỹ năng và trình độ quản lý nền kinh tế đặt ra các yêu cầu chi không thể trì hoãn do các nút thắt này đang tạo áp lực lớn đối với chi phí sản xuất kinh doanh và chất lượng hàng hóa sản phẩm trong nền kinh tế. Bội chi NSNN năm 2009 lên tới 6,9% và dư nợ chính phủ lên 40% GDP cũng tạo các áp lực chi trả nợ lớn hơn trong thời gian tới.

Tác động tiêu cực của chính sách kích cầu tới quá trình cải cách

Chính sách kích cầu của Chính phủ, như đã đề cập, đã có tác dụng tích cực trong việc bù đắp những sụt giảm về đầu tư nước ngoài và hoạt động thương mại quốc tế, duy trì tổng cầu và tăng trưởng kinh tế ở mức tương đối cao so với các nước khác trên thế giới. Tuy nhiên, các chính sách kích cầu và việc mở rộng đầu tư khu vực nhà nước có tác

động nhất định tới quá trình cải cách trong nước. Qui mô đầu tư nhà nước tăng trở lại, từ 28,9% tổng đầu tư xã hội năm 2008 lên 34,8%. Sự gia tăng này sẽ tiếp tục trong vài năm tới vì nhiều dự án đầu tư là các dự án dài hạn. Vì hiệu quả đầu tư của khu vực nhà nước thấp nhất trong nền kinh tế, nên việc gia tăng nguồn vốn đầu tư xã hội vào khu vực kinh tế nhà nước năm 2009 có thể làm trầm trọng hơn tính kém hiệu quả của nền kinh tế hiện nay.

- Khủng hoảng tài chính toàn cầu cũng cho thấy rõ hơn các bất cập của khu vực NSNN Việt Nam

- Thứ nhất, quản lý ngân sách ngắn hạn hạn chế khả năng sử dụng công cụ NSNN trong bình ổn nền kinh tế trước các biến động kinh tế-xã hội trong và ngoài nước. Việc điều hành NSNN hàng năm, theo đó các quyết định thu - chi được thực hiện ở giới hạn bội chi tối đa cho phép, hạn chế khả năng tăng chi NSNN hỗ trợ nền kinh tế khi các điều kiện KT-XH trở nên khó khăn. Ngay cả khi Quốc hội đồng ý cho phép tăng bội chi NSNN, thì việc đề xuất, thảo luận, phê chuẩn của Quốc hội cũng hạn chế tính kịp thời của công cụ NSNN. Thêm vào đó, việc luôn duy trì bội chi ở mức cao, khủng hoảng diễn ra với việc tăng hơn nữa bội chi NSNN có thể làm cho nợ chính phủ trở nên nghiêm trọng.

- Thứ hai, tính tự ổn định của công cụ chi NSNN của Việt Nam còn rất hạn chế, do thiếu vắng các chế độ an sinh xã hội với các điều kiện thụ hưởng tùy thuộc vào các biến động KT-XH.

- Thứ ba, mô hình đầu tư phát triển theo chiều rộng không chỉ làm tăng sự phụ thuộc của nền kinh tế vào nguồn đầu tư nước ngoài, mà những bất cập về trình độ, kỹ năng lao động, về chất lượng sản phẩm cũng hạn chế nền kinh tế phục hồi trong khủng hoảng khi cạnh tranh trở nên gay gắt hơn với các rào cản kỹ thuật được dựng lên.

- Thứ tư, nguồn thu hạn chế, chưa ổn định vững chắc có ảnh hưởng đáng kể tới việc quản lý, điều hành chi NSNN, tới hiệu quả, hiệu lực của công cụ NSNN.